

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ B**  
**TỈNH ĐỒNG NAI**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1356/2021/QĐST-HNGĐ

B, ngày 21 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2077/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

**1. Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1990.**

**2. Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1993.**

Cùng địa chỉ: A2/195B, Bùi Hữu Nghĩa, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, ông T, bà B cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn”. Quá trình vận động hòa giải, ông T, bà B thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố B đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 13/12/2021. Ông T và bà B cùng cư trú tại phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; Do đó, đơn yêu cầu của ông T, bà B được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngọc B chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121/2011, ngày 20/10/2011. Ông T, bà B có 02 con chung tên Phạm Ngọc Đức T, sinh ngày 27/9/2011 và Phạm Ngọc Như Y, sinh ngày 10/10/2016. Ly hôn, các bên thống nhất giao cháu T cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Y cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T, bà B xác định tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống, ông T, bà B thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông T, bà B xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy ông T, bà B thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố B chấp nhận đơn yêu cầu của ông T, bà B.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngọc B.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Đức T, sinh ngày 27/9/2011 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Phạm Ngọc Như Y, sinh ngày 10/10/2016 cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T, bà B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: ông T, bà B trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: ông T, bà B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông T, bà B mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000610 ngày 03/12/2021 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Ông T, bà B đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thúy**